TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2022
Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bùi Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà***: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-6-2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị X, sinh năm 1975; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Số B đường T, phường Tr, thành phố N, tỉnh Nam Định; Địa chỉ cư trú: B tập thể V, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Số B đường T, phường Tr, thành phố N, tỉnh Nam Định. Hiện đang chấp hành án tại Đội M K2 trại giam A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 20-4-2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Trần Quang Khải, thành phố N ngày 07-7-2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H vào Sài Gòn làm ăn làm đến năm 2016 thì chị X nhận được tin anh H bị bắt và phải đi chấp hành án 18 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, để ổn định cuộc sống cho mẹ con chị, chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Trương Hà L (giới tính: Nữ), sinh ngày 03-5-2010. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07-5-2022 anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng hiện nay anh phải đi chấp hành bản án 18 năm tù giam và đã cải tạo được 6 năm. Nay chị X có nguyện vọng ly hôn anh nhất trí ly hôn với chị X.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Trương Hà L (giới tính: Nữ), sinh ngày 03-5-2010. Nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: anh H xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ tại chính quyền địa phương xác nhận mâu thuẫn giữa chị X và anh H là do anh H phải đi chấp hành án, Chị X đã đưa con về sống tại phường Văn Miếu. Nay đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh H là hôn nhân hợp pháp. Chị X và anh H chung sống đến năm 2016 thì anh H bị bắt và phải đi cải

tạo 18 năm tù, hai bên không có cuộc sống chung từ lâu. Nay chị X có nguyện vọng ly hôn, anh H nhất trí ly hôn. Xét hôn nhân của chị X và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa chị **Trương Thị X** và anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Trương Hà L (giới tính: Nữ), sinh ngày 03-5-2010. Xét nguyện vọng của chị X muốn được trực tiếp nuôi con, anh H cũng nhất trí. Đồng thời, nguyện vọng của con chung cũng muốn được ở với mẹ. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định giao con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trương Thị X** và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định năm 2004 nên hôn nhân giữa chị X và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị X và anh H chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy bị bắt năm 2016, hiện nay phải đi chấp hành án 18 năm tù. Vợ chồng không có thời gian chung sống nên không gắn bó tình cảm. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh H, anh H có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị X và anh H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Trương Hà L (giới tính: Nữ), sinh ngày 03-5-2010, hiện nay con đang sống cùng chị X. Xét nguyện vọng của chị X và anh H về việc chị X được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của cháu Nguyễn Trương Hà L muốn ở với mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao con chung cho chị **Trương Thị X** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét nguyện vọng của chị X không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị X và anh H đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị **Trương Thị X** là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị **Trương Thị X** và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Trương Hà L (giới tính: Nữ), sinh ngày 03-5-2010 cho chị **Trương Thị X** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Trương Thị X** không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí: chị **Trương Thị X** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị **Trương Thị X** đã nộp tại biên lai số 0005237 ngày 20-4-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị **Trương Thị X** có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H có quyền làm đơn

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị **Trương Thị X** và anh Nguyễn Văn H có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND phường Trần Quang Khải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Vũ Văn Trường